

A-B quc ng (4e édition) / Lý
Hu D

Lý-Hu-Du . Auteur du texte. A-B quc ng (4e édition) / Lý Hu D. 1926.

1/ Les contenus accessibles sur le site Gallica sont pour la plupart des reproductions numériques d'oeuvres tombées dans le domaine public provenant des collections de la BnF. Leur réutilisation s'inscrit dans le cadre de la loi n°78-753 du 17 juillet 1978 :

- La réutilisation non commerciale de ces contenus ou dans le cadre d'une publication académique ou scientifique est libre et gratuite dans le respect de la législation en vigueur et notamment du maintien de la mention de source des contenus telle que précisée ci-après : « Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France » ou « Source gallica.bnf.fr / BnF ».

- La réutilisation commerciale de ces contenus est payante et fait l'objet d'une licence. Est entendue par réutilisation commerciale la revente de contenus sous forme de produits élaborés ou de fourniture de service ou toute autre réutilisation des contenus générant directement des revenus : publication vendue (à l'exception des ouvrages académiques ou scientifiques), une exposition, une production audiovisuelle, un service ou un produit payant, un support à vocation promotionnelle etc.

[CLIQUER ICI POUR ACCÉDER AUX TARIFS ET À LA LICENCE](#)

2/ Les contenus de Gallica sont la propriété de la BnF au sens de l'article L.2112-1 du code général de la propriété des personnes publiques.

3/ Quelques contenus sont soumis à un régime de réutilisation particulier. Il s'agit :

- des reproductions de documents protégés par un droit d'auteur appartenant à un tiers. Ces documents ne peuvent être réutilisés, sauf dans le cadre de la copie privée, sans l'autorisation préalable du titulaire des droits.

- des reproductions de documents conservés dans les bibliothèques ou autres institutions partenaires. Ceux-ci sont signalés par la mention Source gallica.BnF.fr / Bibliothèque municipale de ... (ou autre partenaire). L'utilisateur est invité à s'informer auprès de ces bibliothèques de leurs conditions de réutilisation.

4/ Gallica constitue une base de données, dont la BnF est le producteur, protégée au sens des articles L341-1 et suivants du code de la propriété intellectuelle.

5/ Les présentes conditions d'utilisation des contenus de Gallica sont régies par la loi française. En cas de réutilisation prévue dans un autre pays, il appartient à chaque utilisateur de vérifier la conformité de son projet avec le droit de ce pays.

6/ L'utilisateur s'engage à respecter les présentes conditions d'utilisation ainsi que la législation en vigueur, notamment en matière de propriété intellectuelle. En cas de non respect de ces dispositions, il est notamment passible d'une amende prévue par la loi du 17 juillet 1978.

7/ Pour obtenir un document de Gallica en haute définition, contacter utilisation.commerciale@bnf.fr.

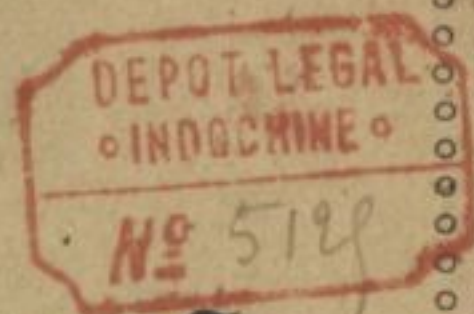
Pièce
INDO-CHINOIS

80
398

OS12

語 國 韻

A B



QUỐC-NGŨ

LÝ-HỮ'U-DU'

SOẠN

IN LẦN THỨ TƯ
1926



BÁN SĨ TẠI:

TRƯỜNG-XUÂN

25-26, Quai Piquet, 27-28

(Cambodge)

PHNOM-PENH



Nom d'auteur *Đỗ Ly Hưu* *Đ*

Titre de l'ouvrage *A B quốc ngữ (alphabet)*

4^e ed.

Ensigne *t*

Hanoi

Trông - Xuân

1926

語 國 韻

O\$12

A B



QUỐC-NGŨ



LÝ-HỮU-DU

SOẠN

IN LẦN THỨ TƯ

1926

Pier



8 Ind-Ch

398

BÁN SĨ TẠI:

TRƯỜNG-XUÂN

25-26, Quai Piquet, 27-28

(Cambodge)

PHNOM-PENH



IMPRIMERIE XUA-NAY
NGUYEN-HAO-VINH
62-64, Boulevard Bonnard, 62-64
SAIGON 1926

BÀI THỨ NHỨT

CHỮ CÁI
CHỮ IN NHỎ

a ă â b c d đ e ê g h i y k l
m n o ô ơ p q r s t u ư v x

(Chữ cái viết lộn lạo để cho nhớ chắc mặt chữ)

x v ư u t s r q p ơ ô o n m
l k y i h g ê e đ d c b â ă a

(CHỮ ÂM)

a ă â e ê i y o ô ơ u ư

(CHỮ KHÔNG ÂM)

b c ch d đ g gh h k kh l m
n ng ngh nh p ph qu r s t th tr v x

BÀI THỨ HAI

(VẦN XUÔI)

ba bă bâ be bê bi bo bô bơ bu bur
ca cã câ ke kê ki co cô cớ cu cur
chachăchâche chê chì cho chô chớ chuchur
đa đã đâ đe dê đi đo đồ đờ đu đư
da dă dâ de dê di do dô dờ du dư
ga gă gâ ghe ghê ghi go gô gờ gu gur
gia giă giâ gie giê gi gio giô giờ giu giur
va vă vâ ve vê vi vo vô vớ vu vư
ra ră râ re rê ri ro rô rờ ru rư
sa sã sâ se sê si so sô sớ su sư
xa xă xâ xe xê xi xo xô xớ xu xư
ha hă hâ he hê hi ho hô hờ hu hư
kha khă khâ khe khê khi kho khô khờ
khu khư
na nă nâ ne nê ni no nô nờ nu nư
nga ngă ngâ nghe ngê nghi ngo ngò
ngờ ngu ngư

nhì nhê nhe nhâ nhă nha như nhu nơ
nhô nho

tư tu tơ tô to ti ta tê tả tâ te
thè the thà thả tha thư thu thơ thô tho thi
trư tru trơ trô tro tri tra trê tră tre trầ
lư lu lơ lo ly li la lê lă le lâ
mê me mâ mắ ma mur mu mớ mô mo mi
phư phu phơ phồ pho phi pha phê phắ
phe phâ

quơ quy qui quê qua que quắ quầ

BÀI THỨ BA

bơ-vơ—xô-vô—đi-quả—ra-ủi—sơ-rơ—
tru-trơ—đi-ra—đi-ghe—đi-xe—hô-la—
u-mê—no-nê—sa-mê—xa-xa—đa-đa—
cu-cu—le-le—lu-lu—bo-bo—the-the—
bơ-lơ—ba-ba—trơ-trơ—

BÀI THỨ TƯ

NĂM DẤU

sắt huyền nặng hỏi ngã

á à ạ ả ã

é è ẹ ẻ ẽ

ề ễ ệ ệ ề

ị ỉ ĩ ì í

ò ọ ỏ ỗ ó

ộ ồ ỏ ỗ ồ

ờ ợ ờ ỡ ơ

ù ủ ú ụ ù

ừ ự ữ ử ứ

ồ ồ — ỹ ỹ — ẹ ẹ — ờ ờ — ả ả — ừ ừ — ọ ọ

BÀI THỨ NĂM

ừ-hự đi-trờ gà-cồ cá-trê cà-rá lễ-nghi
tủ ghê cò-xí xe-bò ghe-đò mỗ-mả cha-
mẹ cá-rô bá-hộ đá-gà bà-già nho-nhỏ
nhà-quê nhà-bè hủ-hỉ gà-tre tù-và tu-hú
ơ-hờ ca-kệ cá-khồ lễ-cả cồ-tồ bà-gia
bá-vơ cá-bẹ từ-bỉ bí-rợ no-đủ dự-trữ.

má đi xe bò qua chợ' nhỏ—bà già ở
nhà thờ về trễ—cô ba qua nhà dì tư
mà bẻ đu đủ—chú ba che dù ra đi te te—
lò mò lo cho trò nhỏ—ta cô ý mà giữ
lễ-nghi từ tể chó' bò qua—cha mẹ dự-
bị lo cho ta no đủ—nhờ có mẹ già từ
bi ở nhà—cha mẹ ta già cả—chợ' có
cá tra ê-hề—trẻ nhỏ chớ khá ở
đơ—hủ hỉ ở nhà có cha mẹ—
chó' đi ra lộ e xe cộ.

CHỮ IN LỚN

A Ă Â B C D Đ E Ê G

H I Y K L M N O Ô O'

P Q R S T U U' V X

BÀI THỨ SÁU

VẦN NGƯỢC

ac ach ai ay am an ang anh ao ap at au
ắc ăm ăn ăng ắp ắt
ác ây âm ân âng âp ât âu
ec em en eo ep et
êc êch êm ên êng ênh êp êt êu
ia ich iêc iêm iên iêng iêp iêt iêu im in
inh ip it iu
ya yên yêng yêt yêu ym
oa oac oach oai oay oam oan oang oanh
oao oap oat oăc oăm oăn oăt oc oe
oen oeo oet oi om on ong op ot
ôc ôi ôm ôn ông ôp ôt
ơi ơm ơn ơp ơt ơu
ua uây uân uât uc uê uí uia uich
uinh uít uy uya uyên uyêt uynh
um un ung uôc uôi uôm uôn uông
uôt uơ uơn up ut
ura urc ung ước uơỉ uơm uơn uơng
urop uơt uơu ưt ưu

CHỮ VIẾT HOA

A Ã Â B C D Đ
E Ê G H I Y K L
M N O Ô Õ P Q
R S T U U' V X

CHỮ VIẾT THƯỜNG

a ă ã b c d đ e ě g h i y
k l m n o ố ơ u w v x

x v w u t s r q p ơ ố o n m
l k y i h g ě e đ d e b ă ă a

BÀI THỨ BẢY

- AC — ác-là mỏ-ác bạc-ác chú-bác cờ-bạc
bạc-hà thợ-bạc khi-khác hì-lạc
lễ-nhạc cò-rác.
- AT — bát-ngát tô-bát ca-hát lạc-tre
mát-mẻ nạt-nộ mỏ-nhát phát-cỏ
gia-phạt.
- ACH — phát-ách cá-chạch xa-cách tra-
hạch nhà-khách ngạch-nhà
sách-vờ thách-giá trách-phạt.
- AP — kị-lạp đập-đồ giỗ-chạp rập-hát
hạp-ý ọ'-ngáp.
- AI — bề-dài bài-bạc bãi-cát củ-cải
cai-trị vài-cải dai-nhách xài-phí.
- AY — quày-quả ngày-rày ngày-lễ
thợ-may máy-day hay-chữ.
- AM — ham-hồ hàm-hồ trái-cam đại-đảm
đám-ma đam-đi làm-cá cái-trạm.
- AN — an-nam quan-án cái-bàn bản-lễ
bạn-bè can-gián dan-ra.

ANG—làm-dạng càng-ngang gàng-trở
hàng-ngũ hàng-giè các-hạng
tạng-phủ sáng-láng.

ANH—ánh-sáng trái-chanh đánh-cá
hanh-tre củ-hành lánh-xa
mạnh-mẽ.

AO —cái-áo bảo-hộ báo-thù dao-ạo
đạo-lý hải-đạo trái-đào lão-bà.

AU —đỏ-au bầu-nhàu trái-cau giàu-có
lau-lách lấu-tấu.

ĂM —chăm-lá chăm-chỉ hăm-he
ngăm-đe.

ĂN —săn-bắn cấn-xé cặn-kẻ cấn-nhà
ngăn-trở.

ĂNG—ngảng-cổ cẳng-da chặng-đàng
khảng-khái.

ĂP —cái-gấp lấp-vò sắp-lại làm-giấp.

ĂT —giắt-vào mắt-lé vật-vạnh.

ĂC —hướng-bắc các-kẻ xa-lắc đặc thể.

ÂC —giắc-ngủ tắc-giạ lắc-xắc.

ÂT —ngật-ngờ tạt·đồ lạt·đạt.

ÂY —cây·trái giầy·tờ giấy·cỏ lầy·đầy.

ÂM —âm·lạnh gấm·lại cá·mắm lấm·lở
nhậm·lầy.

ÂN —thân·phận nhận·vào lẩn·lộ cù·lần.

ÂNG—tâng·bằng củ·gắng hăng·hờ
nâng·đỡ

ÂP —nhập·lại đánh·đập bầm·giập.

ÂU —bầu·áo trái·cầu cảm·chầu.

EC —méc·lại.

ET —găm·hét trệt·lét sao·xẹt.

EM —xem·thấy chèm·nhèm lém·đém.

EN —nén·bạc ban·khen lò·rèn.

EO —leo·dây méo·mó nheo·mắt.

EP —mép·tai chật·hẹp đề·nhẹp.

ÊC —chệc·khách êc·bà (éch).

ÊCH—léch·lác thô·kệch.

ÊT —kéo·lét chết·giác trét·trát.

ÊM —ban·đem thù·hềm mềm·mại.

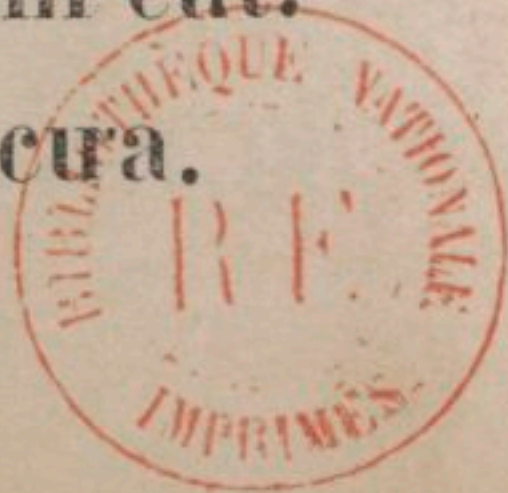
- ÊN** —cao-mên leo-lên bển-đò.
ÊNH —vàng-lệnh lênh-đênh.
ÊP —nhà-bếp nề-nếp lúa-nếp.
ÊU —khêu-đen lăm-lêu cây-nêu.
IA —cá-thia-thia cái-nia mĩa-mai.
ICH —lịch-lãm trắng-phích tò-hịch
khích-báng.
IT —bạo-bật khít-khao.
IÊC —chiếc-ghe điếc-câm.
IÊT —thiết-nghĩ liệt-vị.
IÊM —điểm-chỉ liêm-láp chiêm-bao.
IÊN —chiến-trận thiên-liên tiên-cử.
IÊNG —thiêng-thị tiêng-tâm nghiêng-
triêng.
IM —chậu-vim cá-chim lim-dim.
YM —ym-mát.
IP —chíp miệng chim bìm-bịp cần-kíp
IÊP —hiệp-mặc khiếp-vía sự-nghiep.
IÊU —bao-nhiều tiểu-phu kiều-vở.
IU —nâng-niu rặng-liu-điu nhũu-nhó.

- IN** —gìn-giữ nấu-chín cầu-xin.
INH —lĩnh-trên dính-vào xin-đẹp
chính-đính.
YÊN —chim-quyên yên-tiệc.
YÊT —yết-hầu quả-quyết.
YÊU —yêu-ly chêt-yêu.
OA —đoá-sen lỏa-lở.
OAC —mở toác-hoác.
OACH —sách-hoạch.
OAI —loài-vật hoài-hoài.
OAY —cái-xoáy bàn-xoay.
oAN —bàn-hoàn oán-thù.
OANG —hoàng-đề choáng-váng.
OAT —kiêm-soát khoát-nạt.
OẮC —nghĩ-hoặc.
OẮN —khoăn-khoái.
OẮT —nhọn-hoắt.
OC —lóc-vỏ xem-sóc.
OT —tót-tét hái-mót.

- OE —khoe-mình mạnh-khỏe.
OEN —tiền-hoàn.
OEO —ngoeo-ngoao.
OET —khoét-lỗ.
OI —loi-ngoi moi-móc.
OM —lom-khom tóm-thầu.
ON —lòn-xòn chón-hón.
ONG —lòng-không lòng-dạ.
OP —con-cọp cái-nóp.
ÔC —độc-học gộc-gác.
ÔI —lôi-thôi ngôi-sao.
ÔM —lò-gôm hòm-quà.
ÔN —chộn-rộn ngôn-ngữ.
ÔNG —hông-hoa vợ-chồng.
ÔP —lóp-bóp lộp-xộp.
ÔT —chót-xe sốt-sảng.
ƠI —lời-nói có-ngời.

ƠM	—trái·thơm năm·rom.
ƠN	—lơn·tơn sơn·phết.
ƠP	—lộp·nhà lớp·lang.
ƠT	—xốt·qua thi·rót.
ƠU	—nhai·rọu.
UA	—cái·giữa chó·sủa.
UÂY	—khuây·khóa khuây·làng.
UÂN	—áo·quần luân·lý.
UÂT	—khuất·lập roi·quất.
UC	—khúc·cây lúc·lắc.
UÊ	—bông·huệ quê·mùa.
UI	—mui·ghe lui·cui.
UIA	— { khuia·lơ khuya·lắc.
UYA	
UICH	—con·quích.
UINH	—lính·quính huỳnh·đạo.
UIT	—trái·quít nguít·háy.
UY	—làm·ngụy nguy·nga.
UYÊN	—lời·nguyện chim·quyên.
UYÊT	—khiêm·khuyết quyết·lòng

- UYNH —huynh·đệ.
UM —một·bùn dĩnh·chùm.
UN —lún·xuông lún·đủn.
UNG —lùng·bùng lúng·túng.
UÔC —đôi·guộc lược·thịt.
UÔI —lớn·tuổi chín·muối.
UÔM —chạy·buồm thợ·nhuộm.
UÔN —luôn·luôn cuộn·sách.
UÔNG —rau·muông chiếc·xuông.
UÔT —dây·lượt chuột·cổng.
UƠ —quở·trách thuở·nào.
UỜN —hòa·huẩn tuần·huờn.
UP —chụp·bắt bông·bụp.
UT —mọt·nhọt chim·cút.
U'A —xưa·nay thợ·cưa.



- U'C —thức·dậy tức·thì.
U'NG —mừng·rỡ dây·lưng.
U'OC —bước·qua sau·trước.
U'OI —lưỡi·dao tươi·tốt.
U'OM —lợm·lặt hờm·hờm.
U'ON —bươn·bả ghe·lườn.
U'ONG—vô·lượng văn·chương.
U'OP —trái·mướp trộm·cướp.
U'OT —rượt·theo lảng·mướt.
U'OU —con·hươu trà·rượu.
U'T —nhứt·báo , bứt·xé.
U'U —cây·lựu mưu·kê.



BÀI THỨ TÁM

TẬP ĐỌC

Nay tôi đã biết đọc chậm chậm, tôi ráng tập đọc cho quen: tôi sẽ đọc sách cho ba má tôi nghe, thì chắc ba má tôi mừng lắm, tôi sẽ lựa sách nào cho có ích mà coi cho nhiều đặng học tập cho biết, làm sao là hiếu thảo với cha mẹ, kính nhường và thương mến bà con cô bác, hòa thuận với bạn tác, biết giữ lễ cùng cư xử với mọi người; lần lần học thêm mãi đến cả mọi việc ở đời. Sau nữa lại còn học toán pháp và cách vật trí tri, vân vân.

Tôi cũng lần lần tập viết đặng có biên chép, viết lách thơ từ.

Sô đếm

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
30	40	50	60	70	80	90	100		

BÀI THỨ CHÍN

TẬP ĐỌC

Biết chữ cầm cuốn sách mà đọc, phải tập đọc cho rõ ràng cho trùng tiếng, nếu đọc trại bẹ, thì lời nói cũng không sửa, viết cũng không trùng, nên phải gắng sức tập đọc cho sửa; như con cưỡng, con nhồng mà tập nói tiếng người phải rù đầu rút cổ, uống lười sửa giọng mà còn nói dặng thay, huống chi con người mà nói không sửa tiếng người.

Cũng chớ nên đọc mau lắm, lua lua láu láu; đừng chậm lắm rặn từ tiếng.

Khi đọc sách, câu nào phải suy xét cho hiểu nghĩa câu ấy; nếu chưa thông thì phải hỏi thầy hỏi bạn cho rõ biết, đừng bỏ qua thì việc đọc sách mới có ích.

BÀI THỨ MƯỜI

Tập đọc cho sửa

Con voi đứng trên doi đất, nó quơ cái vòi vòi lấy con roi, vít con giòi,

Con doi nó bay chơi-vơi giữa vơi rồi rơi xuống đất.
Đưa ngu xi hay suy nghĩ việc tầm pháo, muốn xi bạc mạ vàng.

Con sáu hình nó xấu xa xấu xướng, hay ở chốn sông sâu.
Đi làm việc quan được quan tiền chỗ đồng hoang, tấm
lòng hoan-hỉ mà sợ nỗi oan khiên.

Đứng chàng hăng tay cầm cái trăn, choán giữa đảng
làm bộ chàng rảnh, choáng tay qua cổ chú chàng mặt mày
choáng vánh.

Quất ngựa chạy quanh quất mấy nơi uất trắc, quày qua
quày lại oanh oanh liệt liệt, làm bộ quày quả, chạy hoài
chạy hủy, tung hoành một hồi lủi vô nơi sầm uất.

BÀI THỨ MƯỜI MỘT

*Công thầy dạy đỗ hôm mai, ngày sau
thi đỗ nên tài đội ơn.*

*Nghèo mà hay chữ còn hơn, giàu mà
hay chữ như sơn thếp vàng.*

*Xin người hiếu-tử gắng toan, kịp thời
nuôi nấng cho toàn đạo con.*

*Còn cha gót đỏ như sơn một mai cha thát
gót còn như bùn.*

Bầu ới thương lấy bi cùng, tuy rằng
khác giống mà chung một đàn.

Bảo rằng làm sự dở-dang, học cho
phải đàng chí toại danh biêu.

Muốn sang thì bắc cầu kiều, muốn con
hay chữ thì yêu lấy thầy.

Chớ quên lúc tuổi đại ngày, dọn gai
vén ngọt vở bày cho thông.

Trong đời muôn sự của chung, hơn nhau
một tiếng anh hùng mà thôi.

KHUYẾN HỌC

Lý nào muốn học lại không nên,
Hữu chí bản vàng sẽ đứng tên,
Dur thiếu mẹ cha lo sắm sẵn,
Soạn sánh nghiên bút miễn cho bền.

BÀI THỨ MƯỜI HAI

Khuyên học trò

Gần mực thì đen,
Gần đèn thì sáng.
Gần bạn, gần thầy,
Đều hay rèn tập.
Lo lập công danh,
Học hành sớm tối.
Tội lỗi phải chữa,
Chớ ưa biếng nhác,
Cờ bạc đừng gần.
Cải thân càng lớn,
Bớt giỡn, bớt chơi.
Buôn lời giữ lễ,
Kiên nhẫn mẹ cha.
Ruột rà thân thích,
Chẳng mịch lòng ai.
Không sai không chạy,
Chẳng vạy chẳng tham.
Ham làm hơn đức,
Gắng sức kiếm cần,
Thành nhân chi mỹ!


MƯỜI ĐIỀU VÔ ÍCH

- 1° — Lòng ở chẳng lành, địa-lý không ích.
- 2° — Chẳng thảo cha mẹ, thờ thần vô ích.
- 3° — Anh em chẳng hòa, kết bạn không ích.
- 4° — Ăn ở chẳng ngay, đọc sách không ích.
- 5° — Cao cách kiêu ngạo, học nhiều vô ích.
- 6° — Làm việc trái đời, thông minh vô ích.
- 7° — Chẳng tiếc tinh thần, uống thuốc vô ích.
- 8° — Tài nghề chẳng lành, cầu may vô ích.
- 9° — Lấy của người ta, bố thí vô ích.
- 10 — Dâm loạn chơi ác, âm đức vô ích.



1850




Cinagese 1000 Exempt
annoying by hundred
gone 12/5/9.
